| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 667 /2023/DS-PT

Ngày 28 - 12 - 2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán*: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2023/TLPT-DS ngày 25/10/2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 827/2023/QĐ-PT ngày 31/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Á1 (A).**

Địa chỉ: số D, N, phường E, quận C, TP . Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền*: Nguyễn Thị Xuân Á, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Lầu H, Tòa nhà A, D C, phường A, quận C, TP ..

- *Bị đơn:* **Võ Minh H**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn anh Võ Minh H*: **Võ Tấn Đ,** sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: tổ C, ấp T, xã BĐ, huyện CT, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ **Võ Thanh T**, sinh năm 1944 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**2/ Phạm Thị N,** sinh năm 1951 (xin vắng mặt).

**3/ Võ Tấn Đ,** sinh năm 1979 (có mặt)

**4/ Trần Kim Q,** sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

**5/ Võ Hoàng T1,** sinh năm 2010 (vắng mặt)

**6/ Võ Hoàng L,** sinh năm 2011 (vắng mặt)

**7/ Võ Hoàng T2,** sinh năm 2019 (vắng mặt)

**8/ Võ Thành T3,** sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 30, ấp Tân Thuận B, xã Bình Đức, Châu Thành, Tiền Giang

Anh Đạt hiện ngụ: ấp A, xã TA, TP.MT, Tiền Giang

**9/ Võ Huy N1,** sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

**10/ Võ Hoàng G,** sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

**11/ Võ Quốc Q1,** sinh năm 1981 (có mặt)

**12/ Võ Ngọc Q2,** sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

**13/ Võ Tuấn Hải P,** sinh năm 2007 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A, ấp T, xã BĐ, huyện CT, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Minh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P, Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á1 (A) trình bày:

Ngày 08/10/2020 anh H có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 700.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn, lãi phạt do chậm trả lãi 10%/năm. Ngoài ra, Ngân hàng có duyệt cấp thẻ tín dụng cho anh H vào ngày 13/10/2020 với hạn mức 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo hai khoản vay trên, ngày 08/10/2020 bà N, ông Võ Thanh T có ký thế chấp phần đất có diện tích 1.485m$^2$ và tài sản trên đất, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh H vi phạm hợp đồng, không đóng tiền lãi suất theo như thỏa thuận.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh H trả 645.569.688 đồng vốn và 144.062.810 đồng lãi; yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/5/2023 và yêu cầu trả lại

chi phí tố tụng với số tiền 700.000 đồng; trường hợp anh H không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp.

* Bị đơn anh Võ Minh H đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Vào ngày 08/10/2020, bà và chồng bà là ông Võ Thanh T có thế chấp phần đất có diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc tại xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (chữ ký và dấu lăn tay đúng là của bà) để đảm bảo việc con bà là Võ Minh H vay số tiền 700.000.000 đồng của Ngân hàng.

Bà N yêu cầu: Ngân hàng cho tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì bà chỉ đồng ý xử lý tài sản đã thế chấp nếu như anh H không trả được khoản vay tín dụng 700.000.000 đồng, còn đối với khoản vay cấp thẻ tín dụng 100.000.000 đồng thì bà không đồng ý chịu trách nhiệm, lý do bà không có ký đảm bảo khoản vay này.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Tấn Đ, anh Võ Quốc Q1 thống nhất như phần trình bày và yêu cầu của bà Phạm Thị N.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Võ Minh H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 645.569.688 đồng vốn và 144.062.810 đồng lãi.

Anh H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2023, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng, đến khi nào thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp anh H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐCN.125.071020 ngày 08/10/2020.

Buộc anh H hoàn lại cho Ngân hàng 700.000 đồng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 700.000 đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Anh H phải chịu 35.585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 15.536.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021122 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05/7/2023, Ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

- Ông Võ Thanh T chỉ đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 475 cho Hợp đồng tín dụng vay số tiền 700.000.000 đồng ngày 08/10/2020 của anh Võ Minh H, không có thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay thẻ tín dụng 100.000.000 đồng của anh H.

- Trên đất thế chấp có 02 ngôi nhà gồm: ngôi nhà thờ có giá trị khoảng 01 tỷ đồng và ngôi nhà của anh Võ Thành T3 có giá trị khoảng 400.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người có liên quan đến 02 ngôi nhà trên.

- Khi thế chấp quyền sử dụng đất thửa 475 của hộ bà Phạm Thị N, ngoài bà N và ông T3 thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có được tham gia ký hợp đồng thế chấp.

* Ngày 05/7/2023, anh Võ Minh H có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do:

- Khi thực hiện hợp đồng tín dụng ngày 08/10/2020, có thời gian anh H phải đi làm ăn xa, nên anh H có nhờ anh Võ Tấn Đ trả các khoản tiền vốn và tiền lãi đến hạn cho Ngân hàng đầy đủ. Cha mẹ, anh em của anh không biết khoản vay 100.000.000 đồng của thẻ tín dụng, nên không thể đóng tiền lãi cho khoản vay này và anh cũng không có nhờ ai đóng lãi thay. Anh có đóng lãi trễ hạn 03 tháng đối với khoản vay 100.000.000 đồng; Ngân hàng lấy lý do để chấm dứt hợp đồng tín dụng ngày 08/10/2020 là không công bằng, làm thiệt hại đến quyền lợi khách hàng.

- Cha mẹ anh chỉ đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 475 cho Hợp đồng tín dụng vay số tiền 700.000.000 đồng ngày 08/10/2020 của anh, không có thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay thẻ tín dụng 100.000.000 đồng của anh.

- Trên đất thế chấp có 02 ngôi nhà gồm: ngôi nhà thờ có giá trị khoảng 01 tỷ đồng và ngôi nhà của anh Võ Thành T3 có giá trị khoảng 400.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người có liên quan đến 02 ngôi nhà trên.

- Khi thế chấp quyền sử dụng đất thửa 475 của hộ bà Phạm Thị N, ngoài bà N và ông T3 thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có được tham gia ký hợp đồng thế chấp.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Anh Võ Tấn Đ – đại diện theo ủy quyền của anh Võ Minh H và anh Võ Thành T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Đ - đại diện theo ủy quyền của anh Võ Minh H yêu cầu xem xét lại việc tính lãi, lãi quá hạn và lãi phạt của Ngân hàng; anh yêu cầu được trả vốn vay, giảm lãi, không đồng ý trả lãi phạt do anh H không có vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 700.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Xuân Á – đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Á1 (A) không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thanh T, Phạm Thị N, Trần Kim Q, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2 vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt; cháu Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2 vắng mặt, nhưng người đại diện theo pháp luật của cháu T1, cháu L và cháu T2 là anh Võ Tấn Đ có mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Anh Võ Tuấn Hải P kháng cáo nhưng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ vào Điều 296, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh P.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H về việc anh không có vi phạm hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh H thừa nhận có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 số tiền vốn vay 700.000.000 đồng và khoản vay thẻ tín dụng số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TIG.CN.1239.071020 ngày 08/10/2020 (Bút lục 70 đến 73), Khế ước nhận nợ số 01-số TK:319842239 ngày 09/10/2020 (Bút lục 69) và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 05/10/2020 (Bút lục 65 đến 68).

Xét thấy: Tại Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng và Điều 2 của Khế ước nhận nợ ngày 09/10/2020 quy định về lãi suất trong hạn: 11,3%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Tại Điều 4, mục 6.1.1 Điều 6 của Hợp đồng cấp tín dụng; mục 11.3, 12.2 điều 12 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Bút lục 54 đến 63) của Ngân hàng TMCP Á1 có nội dung: "*Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn ...trong các trường hợp sau: Phương án sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh, và tài chính của bên được cấp tín dụng, theo đánh giá của A thay đổi đáng kể so với Phương án sử dụng vốn, tình hình sản xuất, kinh doanh, và tài chính của bên được cấp tín dụng tại thời điểm được cấp tín dụng ....A có quyền quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ trước hạn mà không cần thông báo trước trong các trường hợp sau: Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại A và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác và/ hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ. Việc xem xét Chủ thẻ có nguy cơ không có khả năng trả nợ là tùy theo nhận định của A…*".

Ngày 24/3/2022 Ngân hàng TMCP Á1 – chi nhánh Tiền Giang có Thông báo số 166/CV-TG22 gửi cho anh Võ Minh H thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ (Bút lục 52) và ngày 15/6/2022 Ngân hàng A có Thông báo số 313/CV-TG22 gửi cho anh Võ Minh H thông báo thu hồi nợ trước hạn gửi cho anh H (Bút lục 53) có nội dung: Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng anh H vẫn không thanh toán/thanh toán không đủ nợ thẻ, cho nên Ngân hàng đã thu hồi nợ thẻ chưa thanh toán, chuyển nợ quá hạn và chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Anh H thừa nhận anh H chậm trả lãi 03 tháng đối với khoản vay 100.000.000 đồng (Bút lục 266).

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Võ Tấn Đ thừa nhận hiện tại anh H không còn làm sà lan, anh H đã giao sà lan cho anh Đ hoạt động kinh doanh, từ ngày 16/6/2022 đến nay anh H và anh Đ đã ngưng đóng lãi đối với khoản vay 700.000.000 đồng cho Ngân hàng (Bút lục 226). Như vậy, chứng tỏ anh H vi phạm thỏa thuận của hợp đồng cấp tín dụng, theo đánh giá của Ngân hàng TMCP Á1 thì tình hình sản xuất, kinh doanh và tài chính hiện tại của anh H có thay đổi đáng kể so với tình hình sản xuất, kinh doanh, và tài chính của anh H tại thời điểm được cấp tín dụng, cho nên Ngân hàng TMCP Á1 chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ – đại diện theo ủy quyền của anh H xác định anh H không có vi phạm nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền 700.000.000 đồng, nên không đồng ý trả lãi phạt; nhưng anh Đ thừa nhận từ sau ngày 16/6/2022 đến nay

thì anh H, anh Đ không có trả tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi, là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 đối với tài sản thế chấp hửa đất số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐCN.125.071020 ngày 08/10/2020 (Bút lục 80 đến 83) và Cam kết thế chấp tài sản ngày 08/10/2020 (Bút lục 79) thể hiện: Bà N, ông T3 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền với đất… để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán nợ vay của anh Võ Minh H theo hợp đồng tín dụng, thế chấp và các chứng từ, văn bản khác….mà anh H đã ký với Ngân hàng TMCP Á1.

Anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 cho rằng tài sản đã thế chấp chỉ đảm bảo cho khoản vay tín dụng 700.000.000 đồng, không đảm bảo cho khoản vay cấp thẻ tín dụng 100.000.000 đồng của cá nhân anh H, là không có căn cứ. Anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

[4.2] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02567 QSDĐ do UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/12/1999 cấp cho hộ bà Phạm Thị N đối với thửa đất số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Bút lục 76). Theo xác nhận của Công an xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang ngày 10/10/2016 (Bút lục 74) thì hộ bà N tại thời điểm ngày 09/12/1999 có 01 NK (nhân khẩu) tên Phạm Thị N.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp ngày 08/10/2020 thì bà N và ông Võ Thanh T là vợ chồng; anh Võ Tấn Đ, chị Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Quốc Q1, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P mặc dù là các con, cháu của ông T3 và bà N, nhưng không đăng ký cùng hộ khẩu với hộ bà N tại thời điểm hộ bà N được cấp quyền sử dụng đất; cho nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất chỉ có bà N, ông T3 ký kết với Ngân hàng TMCP Á1, là đúng quy định của pháp luật.

Hơn nữa, anh Võ Tấn Đ, chị Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Quốc Q1, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có công sức đóng góp tạo nên khối tài sản nêu trên; đồng thời cũng không có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên hoặc có tranh chấp đối với quyền sử dụng đất thửa số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà N.

[4.3] Đối với kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ quyền lợi và nghĩa vụ của người có liên quan đến 02 ngôi nhà trên:

Xét thấy: Theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐCN.125.071020 ngày 08/10/2020 (Bút lục 80 đến 83) và Cam kết thế chấp tài sản ngày 08/10/2020 (Bút lục 79) thể hiện: Bà N, ông T3 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và **cả tài sản gắn liền với đất**…..

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2022 (Bút lục 108) của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thể hiện: trên thửa đất số 475, diện tích 1.485m$^2$, tọa lạc xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có 02 căn nhà: 01 căn nhà của bà N và 01 căn nhà của anh Võ Thành T3, chuồng chăn nuôi bò và các cây trồng trên đất. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh làm rõ các tài sản có trên thửa đất 475. Quá trình thi hành án, quyền và lợi ích hợp pháp của anh Võ Thành T3, bà Phạm Thị N, cũng như của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Tuấn Hải P sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3. Án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 và anh Võ Tuấn H2 P chỉ cùng nộp 01 biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng.

Trong khi đó, do yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với anh Võ Tuấn Hải P thì số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh P đã nộp sẽ bị sung công quy nhà nước theo Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nhưng do anh P không nộp 01 biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm riêng, nên không thể sung công quỹ nhà nước đối với tiền tạm ứng án phí đã nộp, mà cùng chịu án phí dân sự phúc thẩm với ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ

Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3.

Đáng lẽ ra, Toà án cấp sơ thẩm phải yêu cầu mỗi người nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 296, khoản 1, 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Minh H, ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Võ Tuấn Hải P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 136/2023/DS-ST ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Võ Minh H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 645.569.688 đồng vốn và 144.062.810 đồng lãi.

Anh H có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/5/2023, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng, đến khi nào thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp anh H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TIG.BĐCN.123.071020 ngày 08/10/2020.

Buộc anh H hoàn lại cho Ngân hàng 700.000 đồng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 700.000đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H phải chịu 35.585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á1 15.536.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021122 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Võ Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011814 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Võ Thanh T, Võ Huy N1, Võ Hoàng G, Võ Ngọc Q2, Võ Tuấn Hải P, bà Trần Kim Q, Võ Hoàng T1, Võ Hoàng L, Võ Hoàng T2, Võ Thành T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011815 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 14 giờ ngày 28/12/2023, có mặt chị Á, anh Đ, anh Q1 và anh Thành T3.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**